



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
(REE)**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,011,041,769,066	1,041,159,383,909
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	302,297,599,075	294,968,364,009
111	1. Tiền		18,497,599,075	27,868,364,009
112	2. Các khoản tương đương tiền		283,800,000,000	267,100,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10	582,988,601,164	656,669,566,177
121	1. Đầu tư ngắn hạn		840,152,258,108	933,539,957,529
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(257,163,656,944)	(276,870,391,352)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		125,371,264,229	86,843,157,703
131	1. Phải thu khách hàng		79,004,974,158	64,189,400,434
132	2. Trả trước cho người bán		15,065,672,348	15,191,371,948
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ		21,743,548,781	27,694,068,191
135	4. Các khoản phải thu khác	4	41,640,784,549	11,852,032,737
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(32,083,715,607)	(32,083,715,607)
140	IV. Hàng tồn kho	5	296,934,742	296,934,742
141	1. Hàng tồn kho		296,934,742	296,934,742
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		87,369,856	2,381,361,278
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	2,268,982,973
154	2. Thuế và các khoản phải thu NN		49,659,111	102,249,930
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		37,710,745	10,128,375
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3,188,992,443,776	3,217,948,380,837
220	I. Tài sản cố định		22,834,177,131	23,375,136,157
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	6,902,394,181	7,315,129,030
222	Nguyên giá		19,850,991,398	20,661,508,021
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12,948,597,217)	(13,346,378,991)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	10,190,743,158	10,318,967,335
228	Nguyên giá		11,807,809,222	11,822,163,148
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1,617,066,064)	(1,503,195,813)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	5,741,039,792	5,741,039,792
240	II. Bất động sản đầu tư	9	768,235,786,886	795,530,955,521
241	1. Nguyên giá		1,012,898,213,379	1,012,898,213,379
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(244,662,426,493)	(217,367,257,858)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	2,397,922,479,759	2,399,042,289,159
251	1. Đầu tư vào công ty con	10.1	512,527,472,525	512,527,472,525
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	10.2	1,124,202,419,063	1,084,496,559,949
258	3. Đầu tư dài hạn khác		834,930,144,171	802,018,256,685
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(73,737,556,000)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4,200,034,212,842	4,259,107,764,746

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		390,533,026,098.	524,911,195,228.
310	I. Nợ ngắn hạn		121,925,944,099.	341,466,270,897.
311	1. Vay ngắn hạn	11	4,605,628,000	9,218,380,000
312	2. Phải trả người bán	12	31,147,701,578	33,786,271,092
313	3. Người mua trả tiền trước		28,633,211,225	24,564,450,808
314	4. Thuế phải nộp Nhà nước	13	32,082,773,663	32,059,157,465
316	5. Chi phí phải trả		6,584,394,053	4,669,910,000
319	6. Các khoản phải trả khác	14	17,422,099,871	235,878,634,527
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,450,135,709	1,289,467,005
330	II. Nợ dài hạn		268,607,081,999	183,444,924,331.
333	1. Nợ dài hạn khác	15	95,120,027,753	83,053,987,032
334	2. Vay dài hạn	16	172,012,026,234	99,015,605,150
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1,234,425,899	1,234,425,899
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		240,602,113	140,906,250
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	3,809,501,186,744.	3,734,196,569,518.
410	I. Vốn chủ sở hữu		3,809,501,186,744.	3,734,196,569,518.
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2,446,433,850,000	2,446,433,850,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		774,134,096,786	747,682,985,150
414	3. Cổ phiếu quỹ		(31,342,660)	(57,080,231,024)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		62,722,670,000	62,722,670,000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		75,573,265,871	57,678,364,048
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		450,668,646,747	476,758,931,344
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4,200,934,212,842.	4,259,107,764,746.



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Phó Phòng kế toán
(Theo UQ số 113A/UQ.REE.2012)



Quách Vĩnh Bình
Phó Tổng Giám đốc
(Theo UQ số 119/CBL.2012)

Ngày 20 tháng 07 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

ĐVT: VNĐ

Mã Số	Diễn giải	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	114,871,528,554	120,422,997,369	226,543,112,162	236,999,045,984
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	114,871,528,554	120,422,997,369	226,543,112,162	236,999,045,984
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(46,071,680,863)	(56,377,212,850)	(94,270,557,885)	(114,669,540,964)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.2	68,799,847,691	64,045,784,519	132,272,554,277	122,329,505,020
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	76,359,429,347	46,854,648,845	434,136,578,013	207,284,026,105
22	7. Chi phí tài chính		1,201,377,762	(51,686,467,630)	(75,949,901,497)	(92,522,304,711)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(7,141,834,336)	(16,929,602,630)	(11,468,750,114)	(33,684,304,481)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(8,533,491,385)	(4,853,034,936)	(16,999,021,819)	(11,125,792,100)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20	137,827,163,415	54,360,930,798	473,460,208,974	225,965,434,314
31	10. Thu nhập khác		473,124,842	591,793,095	1,058,413,187	2,130,448,385
32	11. Chi phí khác		(1,287)	-	(1,287)	-
40	12. Lợi nhuận khác		473,123,555	591,793,095	1,058,411,900	2,130,448,385
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		138,300,286,970	54,952,723,893	474,518,620,874	228,095,882,699
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(23,855,202,526)	(7,679,366,293)	(94,447,959,245)	(19,008,964,362)
	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		114,445,084,444	47,273,357,600	380,070,661,629	209,086,918,337

Nguyễn Thị Huỳnh Phương

Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Phó Phòng kế toán
(Theo UQ số 113A/UQ.REE.2012)
Ngày 20 tháng 07 năm 2012



Quách Vĩnh Bình
Phó Tổng Giám Đốc
(Theo UQ số 119/CĐL.2012)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		474,518,620,874.	228,095,882,699.
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	7,8,10	27,836,127,660	19,141,375,925
03	Các khoản trích lập dự phòng		54,030,821,592	56,266,498,992
04	Lãi lỗ từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	(476,511,749)
05	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		(375,925,734,072)	(207,921,568,635)
06	Chi phí lãi vay	20	11,468,750,114	33,684,304,481
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		191,928,586,168.	128,789,981,713.
09	Tăng giảm các khoản phải thu		10,096,569,358	(20,539,469,477)
10	Tăng giảm hàng tồn kho		-	306,000,000
11	Tăng giảm các khoản phải trả		(218,509,459,014)	2,106,244,919
13	Tiền lãi vay đã trả		(11,468,750,114)	(1,267,584,481)
14	Thuế TNDN đã nộp		(102,515,299,877)	(47,609,570,365)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14,659,319,327	6,834,618,108
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5,890,988,316)	(3,013,415,130)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		(121,700,022,468).	65,606,805,287.
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(12,834,026,392)	(111,478,935,023)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	961,560,908
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(273,548,914,530)	(497,040,285,500)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác		590,299,594,199	66,441,633,968
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		45,155,955,522	180,739,819,597
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		349,072,608,799.	(360,376,206,050).
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		83,500,000,000	-
32	Tiền chi trả cho chủ sở hữu		-	(3,323,504,791)
33	Tiền vay đã nhận		73,000,000,000	30,403,871,426
34	Tiền chi trả nợ vay		(4,604,733,000)	(45,728,031,000)
36	Tiền chi trả cổ tức		(371,892,403,200)	(298,064,867,200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(219,997,136,200).	(316,712,531,565).
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7,375,450,131.	(611,481,932,328).

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		294,968,364,009	885,312,713,076
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(46,215,065)	1,122,978,473
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	302,297,599,075	274,953,759,221



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Phó Phòng kế toán
(Theo UQ số 113A/UQ.REE.2012)
Ngày 20 tháng 07 năm 2012



Quách Vĩnh Bình
Phó Tổng Giám Đốc
(Theo UQ số 119/CĐL.2012)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300741143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp được điều chỉnh mới nhất vào ngày 25 tháng 6 năm 2011. Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hòa không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc và nguyên tắc dồn tích.

Ảnh hưởng của việc áp dụng các Chuẩn mực mới này được trình bày trong các chính sách kế toán dưới đây. Theo các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam thì các Chuẩn mực này được áp dụng kể từ năm hiện hành về sau, không có điều chỉnh cho niên độ trước.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo hoạt động kinh doanh.

Tài sản và công nợ bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo lãi lỗ.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

2.5 a Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 03 tháng) tính từ tháng 08 năm 2007.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm các tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính hàng năm như sau:

Nhà và vật kiến trúc	5-50 năm
Nhà xưởng và máy móc thiết bị	7 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 b Ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là bất động sản gồm quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của nhà và đất, cơ sở hạ tầng được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nhà và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị đi kèm	5 - 7 năm

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu bao gồm chi phí mua trừ các khoản dự phòng thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

2.7 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện

và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thực hiện thuần là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm luân chuyển và khiếm khuyết.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu từ khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

2.9 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và sẵn sàng đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty đã chuyển giao phần lớn những rủi ro, lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.

Doanh thu từ các hợp đồng cung cấp và lắp đặt

Doanh thu từ các hợp đồng cung cấp và lắp đặt được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối Kế toán.

Doanh thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("BCC")

Doanh thu được ghi nhận khi BCC công bố chia lãi cho các bên tham gia BCC.

Doanh thu từ cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo thời hạn thuê đã được nêu trong hợp đồng thuê văn phòng.

Doanh thu tài chính:

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi..., thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán (giá bán trừ giá mua), cổ tức và lợi nhuận được chia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

2.11 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên báo cáo hoạt động kinh doanh căn cứ vào thuế hiện hành. Thuế hiện hành là khoản thuế dự tính phải trả tính trên thu nhập chịu thuế cho năm có điều chỉnh cho thuế phải trả từ các năm trước.

2.12 Nguyên tắc ghi nhận công ty liên kết

Các bên được coi là liên kết nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định về tài chính hay hoạt động kinh doanh.

2.13 Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn không quá ba tháng mà có thể dễ dàng chuyển thành tiền và có rủi ro không đáng kể về việc thay đổi giá trị.

2.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của công ty sẽ được chia cho các cổ đông khi đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định hiện hành tại Việt Nam. Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số ước tính về lợi nhuận trong năm. Cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong năm kế tiếp khi được cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

• 11
GT
PH
TIỀN
LNN

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	114,019,386	327,830,535
Tiền gửi ngân hàng	18,383,579,689	27,540,533,474
Các khoản tương đương tiền	283,800,000,000	267,100,000,000
TỔNG CỘNG	302,297,599,075	294,968,364,009

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu cổ tức được chia	20,553,048,000	-
Phải thu lãi tiền gửi	10,404,402,779	2,106,199,998
Phải thu khác	10,683,333,770	9,745,832,739
TỔNG CỘNG	41,640,784,549	11,852,032,737

5. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	262,839,401	262,839,401
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	34,095,341	34,095,341
TỔNG CỘNG	296,934,742	296,934,742

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa & vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	15,535,842,267	2,829,963,829	1,719,231,925	576,470,000	20,661,508,021
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý trong kỳ	-	-	810,516,623	-	810,516,623
Số cuối kỳ	15,535,842,267	2,829,963,829	908,715,302	576,470,000	19,850,991,398
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	9,071,805,891	2,042,739,853	1,655,363,247	576,470,000	13,346,378,991
Khấu hao trong kỳ	238,611,766	152,579,004	21,544,079	-	412,734,849
Giảm trong kỳ	-	-	810,516,623	-	810,516,623
Số cuối kỳ	9,310,417,657	2,195,318,857	866,390,703	576,470,000	12,948,597,217
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	6,464,036,376	787,223,976	63,868,678	-	7,315,129,030
Số cuối kỳ	6,225,424,610	634,644,972	42,324,599	-	6,902,394,181

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	11,592,038,449	230,124,699	11,822,163,148
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý trong kỳ	-	14,353,926	14,353,926
Số cuối kỳ	11,592,038,449	215,770,773	11,807,809,222
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1,273,071,114	230,124,699	1,503,195,813
Khấu hao trong kỳ	128,224,177	-	128,224,177
Thanh lý trong kỳ	-	14,353,926	14,353,926
Số cuối kỳ	1,401,295,291	215,770,773	1,617,066,064
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	10,318,967,335	-	10,318,967,335
Số cuối kỳ	10,190,743,158	-	10,190,743,158

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP	5,741,039,792	5,741,039,792
TỔNG CỘNG	5,741,039,792	5,741,039,792

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Đơn vị tính : VND				
	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc & thiết bị	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	774,201,284,293	237,915,983,788	215,692,297	565,253,001	1,012,898,213,379
Tăng trong kỳ					
Số cuối kỳ	<u>774,201,284,293</u>	<u>237,915,983,788</u>	<u>215,692,297</u>	<u>565,253,001</u>	<u>1,012,898,213,379</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	147,513,016,724	69,073,295,836	215,692,297	565,253,001	217,367,257,858
Khấu hao trong kỳ	16,376,403,395	10,918,765,240	-	-	27,295,168,635
Số cuối kỳ	<u>163,889,420,119</u>	<u>79,992,061,076</u>	<u>215,692,297</u>	<u>565,253,001</u>	<u>244,662,426,493</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	626,688,267,569	168,842,687,952	-	-	795,530,955,521
Số cuối kỳ	<u>610,311,864,174</u>	<u>157,923,922,712</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>768,235,786,886</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Dầu tư ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán giao dịch	423,803,861,853	933,539,957,529
Đầu tư ngắn hạn khác	204,848,396,255	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	211,500,000,000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(257,163,656,944)	(276,870,391,352)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	<u>582,988,601,164</u>	<u>656,669,566,177</u>

Dầu tư dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 10.1)	512,527,472,525	512,527,472,525
Đầu tư vào các công ty liên kết và các công ty đồng kiểm soát (Thuyết minh số 10.2)	1,124,202,419,063	1,084,496,559,949
Đầu tư chứng khoán dài hạn khác	834,930,144,171	802,018,256,685
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(73,737,556,000)	-
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	<u>2,397,922,479,759</u>	<u>2,399,042,289,159</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

10.1 Đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
Công ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	100	1,000,000,000	1,000,000,000	TP.HCM - Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng Kinh doanh và hậu cần
Trans Orient Pte Ltd.	100	5,841,857,500	5,841,857,500	Singapore	
Công ty CP Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	99.99	149,997,353,000	149,997,353,000	TP.HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty CP Điện Máy R.E.E	99.99	149,992,500,000	149,992,500,000	TP.HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Vĩnh Thịnh	99.80	5,103,762,025	5,103,762,025	TP.HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Bất Động Sản R.E.E	99.90	200,592,000,000	200,592,000,000	TP.HCM - Việt Nam	Bất động sản
TỔNG CỘNG		512,527,472,525	512,527,472,525		

10.2 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Hoạt động kinh doanh
Công ty liên kết				
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	42.10	385,501,820,000	385,501,820,000	Cung cấp nước
Công ty ĐT Hạ Tầng BĐS Việt Nam	46.37	129,925,000,000	109,825,000,000	Bất động sản
Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn	27.74	39,242,528,000	27,229,230,000	Bất động sản
Công ty CP Thủy Điện Thác Bà	23.97	223,379,420,325	223,379,420,325	Điện lực
Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ	35.48	274,057,456,308	274,057,456,308	Điện lực
Công ty CP Nhiệt Điện Ninh Bình	23.67	53,724,025,002	46,007,407,412	Điện lực
Công ty CP ĐTKD Nước Sạch Sài Gòn	30.00	18,000,000,000	18,000,000,000	Cung cấp nước
Công ty đồng kiểm soát				
Liên Doanh 41B Lý Thái Tổ – Hà Nội	40.00	372,169,428	496,225,904	Bất động sản
TỔNG CỘNG		1,124,202,419,063	1,084,496,559,949	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

11. VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ dài hạn đến hạn trả	4,605,628,000	9,218,380,000
TỔNG CỘNG	4,605,628,000	9,218,380,000

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN, CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho nhà cung cấp	3,924,574,004	17,216,903,827
Phải trả các bên có liên quan	27,223,127,574	16,569,367,265
TỔNG CỘNG	31,147,701,578	33,786,271,092

13. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23,852,202,526	31,919,543,158
Thuế giá trị gia tăng	8,038,085,884	-
Các khoản phí và các khoản phải nộp khác	192,485,253	139,614,307
TỔNG CỘNG	32,082,773,663	32,059,157,465

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hành	-	5,267,988,735
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	261,029,570	203,546,344
Khoản đặt cọc nhận được từ việc bán khoản đầu tư	-	209,680,262,700
Phải trả công ty chứng khoán	838,518,000	2,868,124,744
Cổ tức, trái tức phải trả các cổ đông	11,532,617,600	-
Các khoản phải trả khác	4,789,934,701	17,858,712,004
TỔNG CỘNG	17,422,099,871	- 235,878,634,527

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện số tiền đặt cọc đã thu của khách thuê văn phòng.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Công ty có các khoản vay sau đây nhằm mục đích tài trợ cho việc xây dựng văn phòng cho thuê.

	Đơn vị tính : VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	176,617,654,234	108,233,985,150
<i>Trong đó :</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	4,605,628,000	9,218,380,000
<i>Nợ dài hạn</i>	172,012,026,234	99,015,605,150

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư & phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Đơn vị tính: VNĐ Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	1,862,932,890,000	520,765,945,150	(43,034,370)	62,722,670,000	46,302,820,403	262,680,881,271	2,755,362,172,454
Tăng vốn năm trước	583,500,960,000	226,917,040,000	(57,037,196,654)	-	-	753,380,803,346	753,380,803,346
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	523,589,410,918	523,589,410,918
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(298,064,867,200)	(298,064,867,200)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	11,375,543,645	(11,375,543,645)	-
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(70,950,000)	(70,950,000)
Số cuối năm	2,446,433,850,000	747,682,985,150	(57,080,231,024)	62,722,670,000	57,678,364,048	476,758,931,344	3,734,196,569,518
Năm nay							
Số đầu năm	2,446,433,850,000	747,682,985,150	(57,080,231,024)	62,722,670,000	57,678,364,048	476,758,931,344	3,734,196,569,518
Tăng vốn năm nay	-	26,451,111,636	57,048,888,364	-	-	-	83,500,000,000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	380,070,661,629	380,070,661,629
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(383,425,020,800)	(383,425,020,800)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	17,894,901,823	(17,894,901,823)	-
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(4,841,023,603)	(4,841,023,603)
Số cuối kỳ	2,446,433,850,000	774,134,096,786	(31,342,660)	62,722,670,000	75,573,265,871	450,668,646,747	3,809,501,186,744

(*) Ngày 30 tháng 3 năm 2012, Công ty tổ chức Đại hội Cổ đông Thường niên và quyết định chi trả cổ tức 16% bằng tiền (tương đương 1.600VNĐ/cp) từ kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Tổng doanh thu	114,871,528,554	120,422,997,369
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán hàng	-	333,754,662
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	108,688,178,803	91,501,759,323
Doanh thu từ dịch vụ cung cấp & lắp đặt	6,183,349,751	28,587,483,384

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Cổ tức được chia	44,192,950,023	24,290,300,700
Lãi tiền gửi	14,932,381,117	19,967,043,006
Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư	9,016,278,720	1,385,979,936
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,546,172,312	1,211,325,203
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6,671,647,175	-
TỔNG CỘNG	76,359,429,347	46,854,648,845

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá đầu tư	(8,608,103,857)	32,343,709,688
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	7,141,834,336	16,929,602,630
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	95,221,929	950,129,380
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	1,454,025,932
Chi phí tài chính khác	169,669,830	9,000,000
TỔNG CỘNG	(1,201,377,762)	51,686,467,630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

20. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị tính : VNĐ

Quý II năm 2012 Quý II năm 2011

Thu nhập khác	473,124,842	591,793,095
TỔNG CỘNG	473,124,842	591,793,095

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính năm này.

Báo cáo tài chính Quý II năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được Ban Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 20 tháng 07 năm 2012.



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Phó Phòng kế toán
(Theo UQ số 113A/UQ.REE.2012)

Ngày 20 tháng 07 năm 2012



Quách Vĩnh Bình
Phó Tổng Giám đốc
(Theo UQ số 119/CĐL.2012)

